

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TIẾN SĨ**

**CHUYÊN NGÀNH
QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP
MÃ SỐ: 62 34 04 14**

**Đã được Hội đồng khoa học Viện Kinh tế và Quản lý thông qua
ngày tháng năm**

HÀ NỘI

MỤC LỤC

	Trang	
PHẦN I	TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
1	Mục tiêu đào tạo	4
1.1	Mục tiêu chung	4
1.2	Mục tiêu cụ thể	4
2	Thời gian đào tạo	5
3	Khối lượng kiến thức	5
4	Đối tượng tuyển sinh	5
5	Quy trình đào tạo, điều kiện công nhận đạt	6
6	Thang điểm	6
7	Nội dung chương trình	7
7.1	Cấu trúc	7
7.2	Học phần bổ sung, chuyển đổi	7
7.2.1	Danh mục học phần bổ sung, chuyển đổi	7
7.2.2	Mô tả tóm tắt học phần bổ sung, chuyển đổi	8
7.2.3	Thời hạn hoàn thành các học phần bổ sung, chuyển đổi	8
7.3	Học phần trình độ Tiến sĩ	8
7.3.1	Danh mục học phần trình độ Tiến sĩ	8
7.3.2	Mô tả tóm tắt học phần trình độ Tiến sĩ	9
7.3.3	Kế hoạch học tập các học phần trình độ Tiến sĩ	12
7.4	Chuyên đề Tiến sĩ	12
8	Danh sách Tạp chí / Hội nghị Khoa học	13
PHẦN II	ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN	17
9	Danh mục học phần chi tiết của chương trình đào tạo	18
9.1	Danh mục học phần bổ sung, chuyển đổi	18
9.2	Danh mục học phần trình độ Tiến sĩ	18
10	Đề cương chi tiết các học phần trình độ Tiến sĩ	18

PHẦN I

TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ HỌC

Tên chương trình: Chương trình đào tạo Tiến sĩ Chuyên ngành Quản lý công nghiệp
Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
Chuyên ngành đào tạo: Quản lý công nghiệp (Industrial Management)
Mã chuyên ngành: 62 34 04 14

(Ban hành theo Quyết định số / QĐ-ĐHBK-SĐH ngày tháng năm
của Hiệu trưởng trường ĐH Bách Khoa Hà Nội)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Tiến sĩ Chuyên ngành Quản lý công nghiệp nhằm đào tạo các cán bộ khoa học có trình độ chuyên môn sâu, có khả năng nghiên cứu ở trình độ cao các lĩnh vực thuộc về kinh tế ứng dụng và Quản lý công nghiệp, có tư duy khoa học, có khả năng tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh tế quốc dân và quốc tế, đồng thời có khả năng tham gia đào tạo bậc đại học và sau đại học.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi đã hoàn thành chương trình đào tạo, tiến sĩ Chuyên ngành Quản lý công nghiệp:

- Có khả năng phát hiện và trực tiếp giải quyết các vấn đề khoa học thuộc lĩnh vực kinh tế ứng dụng và Quản lý công nghiệp trong các lĩnh vực kinh tế của quốc gia và thế giới.
- Có khả năng dẫn dắt, lãnh đạo nhóm nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế và khoa học quản lý.
- Có khả năng thực hiện các nghiên cứu, đề xuất và áp dụng các giải pháp có ý nghĩa trong lĩnh vực kinh tế ứng dụng và quản lý công nghiệp dưới dạng các đề tài nghiên cứu, bài báo và tham luận khoa học.
- Có khả năng cao để trình bày, giới thiệu (bằng các hình thức bài viết, báo cáo hội nghị, giảng dạy đại học và sau đại học) các vấn đề khoa học thuộc lĩnh vực kinh tế ứng dụng và Quản lý công nghiệp.

2. Thời gian đào tạo

Vận dụng Khoản 4 Điều 81, *Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo sau đại học* do Hiệu trưởng Trường ĐH Bách khoa Hà Nội ban hành theo quyết định số 1492/QĐ-ĐH BK-SĐH ngày 30/9/2009, thời gian đào tạo tiến sĩ Chuyên ngành Quản lý công nghiệp sẽ là:

- *Hệ tập trung liên tục*: 3 năm liên tục đối với NCS có bằng ThS, 4 năm đối với NCS có bằng ĐH.
- *Hệ không tập trung liên tục*: NCS có văn bằng ThS đăng ký thực hiện trong vòng 4 năm đảm bảo tổng thời gian học tập, nghiên cứu tại Trường là 3 năm và 12 tháng đầu tiên tập trung liên tục tại Trường.

3. Khối lượng kiến thức

Khối lượng kiến thức bao gồm khối lượng của các học phần trình độ tiến sĩ và khối lượng của các học phần bổ sung, học phần chuyển đổi được xác định cụ thể cho từng loại đối tượng tại mục 4.

Khối lượng kiến thức bao gồm khối lượng của *các học phần Tiến sĩ* và khối lượng của *các học phần bổ sung* được xác định cụ thể cho từng loại đối tượng tại mục 4.

- NCS đã có bằng ThS: 8 tín chỉ học phần tiến sĩ + khối lượng bổ sung (nếu có).
- NCS mới có bằng ĐH: 8 tín chỉ học phần tiến sĩ + 33 tín chỉ (không kể luận văn) của Chương trình Thạc sĩ ứng dụng chuyên ngành Quản trị kinh doanh (tương đương với 41 tín chỉ).

4. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh là các thí sinh đã có bằng Thạc sĩ với chuyên ngành tốt nghiệp phù hợp (đúng chuyên ngành) hoặc gần phù hợp với chuyên ngành Quản lý công nghiệp. Đối với các thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học, chỉ tuyển sinh chuyên ngành tốt nghiệp phù hợp (đúng chuyên ngành). Mức độ "*phù hợp hoặc gần phù hợp*" với chuyên ngành Quản lý công nghiệp, được định nghĩa cụ thể ở mục 4.1 sau đây.

4.1 Định nghĩa

Chuyên ngành phù hợp (đúng): chuyên ngành tốt nghiệp cao học được xác định là chuyên ngành đúng, chuyên ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành xét tuyển NCS khi có cùng tên trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo của hai chuyên ngành này ở trình độ cao học khác nhau dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.

Chuyên ngành gần phù hợp: Chuyên ngành tốt nghiệp cao học được xác định là chuyên ngành gần với chuyên ngành dự tuyển NCS khi cùng nhóm chuyên ngành trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo của hai chuyên ngành này ở trình độ

cao học khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành. Bao gồm những chuyên ngành sau: Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh, Hệ thống thông tin quản lý, Kinh doanh thương mại, Quản trị nhân lực, Chính sách công, Quản lý công, Quản lý năng lượng, Quản lý Khoa học và Công nghệ, Quản lý năng lượng, Kinh tế học, Kinh tế lao động,

4.2 Phân loại đối tượng ngành

Đối tượng A1: Thí sinh có bằng ThS Khoa học của ĐH Bách khoa Hà Nội, thạc sĩ khoa học các trường đại học ở nước ngoài có uy tín cấp, với ngành tốt nghiệp cao học đúng với chuyên ngành Tiến sĩ.

Đây là đối tượng không phải tham gia học bổ sung.

Đối tượng A2: Thí sinh có bằng tốt nghiệp Đại học hệ chính quy đúng, phù hợp với ngành/chuyên ngành xếp loại “Xuất sắc” hoặc loại “Giỏi”. Đối với bằng tốt nghiệp xếp loại “Giỏi” yêu cầu người dự tuyển là tác giả của ít nhất 01 bài báo đã đăng trong tạp chí/kỷ yếu hội nghị chuyên ngành có phản biện độc lập, được Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước tính điểm, có trong danh mục Viện chuyên ngành quy định hoặc người dự tuyển đạt thành tích sinh viên nghiên cứu khoa học từ giải ba cấp Trường trở lên.

Đây là đối tượng phải tham gia học bổ sung toàn bộ chương trình thạc sĩ khoa học.

Đối tượng A3: Thí sinh có bằng ThS kỹ thuật (thạc sĩ theo định hướng ứng dụng) đúng ngành hoặc có bằng ThS tốt nghiệp ngành gần phù hợp.

Đây là đối tượng phải tham gia học bổ sung.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện công nhận đạt

- Quy trình đào tạo được thực hiện theo học chế tín chỉ, tuân thủ Quyết định số 3341/QĐ-ĐHKB-SĐH ngày 21/8/2014 về tổ chức và quản lý đào tạo Sau đại học của Hiệu trưởng Trường ĐH Bách khoa Hà Nội.
- Các học phần bổ sung, học phần tiến sĩ và chuyên đề tiến sĩ phải đạt mức điểm C trở lên (xem mục 6).

6. Thang điểm

Khoản 6a Điều 62 của Quy định 3341/2014 quy định:

- Việc chấm điểm kiểm tra - đánh giá học phần (bao gồm các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần) được thực hiện theo thang điểm từ 0 đến 10, làm tròn đến một chữ số thập phân sau dấu phẩy. Điểm học phần là điểm trung bình có trọng số của các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc (tổng của tất cả các điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc đã nhân với trọng số tương ứng của từng điểm được quy định trong đề cương chi tiết học phần).
- Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân sau dấu phẩy, sau đó được chuyển thành điểm chữ với mức như sau:

Điểm số từ	8,5 – 10	chuyển thành	điểm A (Giỏi)
Điểm số từ	7,0 – 8,4	chuyển thành	điểm B (Khá)
Điểm số từ	5,5 – 6,9	chuyển thành	điểm C (Trung bình)
Điểm số từ	4,0 – 5,4	chuyển thành	điểm D (Trung bình yếu)
Điểm số dưới	4,0	chuyển thành	điểm F (Kém)

7. Nội dung chương trình

7.1. Cấu trúc

Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ gồm có 3 phần như bảng sau đây.

Phần	Nội dung đào tạo	A1	A2	A3
1	HP bổ sung	0	CT ThS UD	15 TC
	HP TS	8 TC		
2	TLTQ	2 TC (Thực hiện và báo cáo trong năm học đầu tiên)		
	CĐTS	Tổng cộng 3 CĐTS, mỗi CĐTS 2TC		
3	NC khoa học và Luận án TS	90 TC (thực hiện trong 3 năm đối với hệ tập trung liên tục và 04 năm đối với hệ không tập trung liên tục)		

Lưu ý:

Số TC qui định cho các đối tượng trong là số TC tối thiểu NCS phải hoàn thành.

Đối tượng A2 phải thực hiện toàn bộ các học phần qui định trong chương trình ThS Khoa học của ngành tương ứng, không cần thực hiện luận văn ThS.

Các HP bổ sung được lựa chọn từ chương trình đào tạo Thạc sĩ của ngành đúng chuyên ngành Tiến sĩ.

Việc qui định số TC của HP bổ sung cho đối tượng A3 do Hội đồng khoa học Viện chuyên ngành và người hướng dẫn (NHD) quyết định dựa trên cơ sở đối chiếu các học phần trong bảng kết quả học tập ThS của thí sinh với chương trình ThS hiện tại của ngành đúng chuyên ngành Tiến sĩ nhưng phải đảm bảo số TC tối thiểu và tối đa trong bảng.

Các HP TS được NHD đề xuất từ chương trình đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ của trường nhằm trang bị kiến cần thiết phục vụ cho đề tài nghiên cứu cụ thể của LATS.

7.2. Học phần bổ sung

Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ (Đối tượng A2)

NCS phải hoàn thành các học phần bổ sung trong thời hạn 2 năm kể từ ngày ký quyết định công nhận là NCS gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh theo chương trình quy định như trong chi tiết mục 7 “*Danh mục học phần chuyên ngành* (bao gồm tất cả các môn bắt buộc, tự chọn, bổ sung, chuyển đổi)” quyền “*Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh*”.

Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành gần (Đối tượng A3)

Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành gần với chuyên ngành đề nghị học các học phần bổ sung như sau:

ĐỐI TƯỢNG	HỌC PHẦN	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	KHỐI LƯỢNG
A3	Bổ sung	EM6340	Kinh tế lượng nâng cao	3	3(3-0-0-6)
		EM6260	Tổ chức hệ thống sản xuất	3	3(3-0-0-6)
		EM6270	Thiết kế chuỗi cung ứng	3	3(3-0-0-6)
		EM6450	Công nghệ, đổi mới và tăng trưởng kinh tế	2	2(2-0-0-4)
		EM6210	Chuyên đề	3	3(3-0-0-6)

7.3. Các học phần trình độ Tiến sĩ

Các HP TS nhằm giúp NCS cập nhật các kiến thức mới nhất của lĩnh vực chuyên môn, nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận NC và khả năng ứng dụng các phương pháp NC khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực NC. Mỗi HP TS được thiết kế với khối lượng từ 2 đến 3 TC. Mỗi NCS phải hoàn thành tối thiểu 8 TC tương ứng với 3 HP trở lên.

Danh mục học phần trình độ Tiến sĩ

NỘI DUNG	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	GIẢNG VIÊN	TÍN CHỈ	KHỐI LƯỢNG
Bắt buộc	EM7010	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh	TS. Phạm Thị Thanh Hồng TS. Phạm Thị Kim Ngọc TS. Nguyễn Thị Mai Anh TS. Phạm Thị Nhuận TS. Lê Hiếu Học	3	3(3-0-0-6)
	EM7020	Phân tích dữ liệu trong nghiên cứu kinh tế và kinh doanh	TS. Phạm Cảnh Huy TS. Phan Diệu Hương TS. Nguyễn Tiên Phong	3	3(2-2-0-6)
Tự chọn	EM7111	Lý thuyết Marketing	TS. Ngô Trần Ánh TS. Nguyễn Thị Mai Anh TS. Phạm Thị Thanh Hồng PGS. Trần Văn Bình	3	3(3-0-0-6)
	EM7121	Quản trị đổi mới	TS. Đặng Vũ Tùng TS. Nguyễn Ngọc Điện PGS. TS. Trần Thị Bích Ngọc TS. Dương Mạnh Cường	3	3(3-0-0-6)

NỘI DUNG	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	GIẢNG VIÊN	TÍN CHỈ	KHỐI LƯỢNG
			TS. Đỗ Tiến Minh		
	EM7131	Các vấn đề về năng lượng và phát triển bền vững	PGS. Phạm Thị Thu Hà PGS. Bùi Xuân Hồi PGS. Trần Văn Bình TS. Phan Diệu Hương	3	3(3-0-0-6)
	EM7141	Những công cụ thành công trong Quản trị tác nghiệp	TS. Nguyễn Văn Nghiên PGS. Trần Thị Bích Ngọc TS. Nguyễn Danh Nguyên TS. Dương Mạnh Cường TS. Nguyễn Ngọc Điện TS. Đặng Vũ Tùng TS. Đỗ Tiến Minh	3	3(3-0-0-6)
	EM7151	Lý thuyết quản trị nguồn nhân lực	TS. Nguyễn Danh Nguyên TS. Cao Tô Linh TS. Phạm Thị Nhuận GS. Đỗ Văn Phúc	3	3(3-0-0-6)
	EM7161	Quản trị dịch vụ	TS. Nguyễn Thị Mai Anh TS. Phạm Thị Thanh Hồng TS. Ngô Trần Ánh PGS. Trần Văn Bình	3	3(3-0-0-6)
	EM7171	Lý thuyết đương đại trong tài chính	PGS. Nghiêm Sỹ Thương TS. Trần Việt Hà TS. Đào Thanh Bình TS. Nguyễn Thị Mai Chi TS. Nguyễn Đăng Tuệ TS. Ngô Thu Giang TS. Nguyễn Thúc Hương Giang TS. Nguyễn Hoàng Lan	3	3(3-0-0-6)

* Nghiên cứu sinh có thể chọn một học phần tự chọn liên quan đến lĩnh vực Quản lý công nghiệp trong các học phần do Viện Kinh tế và Quản lý phụ trách, phù hợp với yêu cầu của đề tài nghiên cứu.

Mô tả tóm tắt học phần trình độ Tiến sĩ

EM7010 Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh

Học phần nhằm cung cấp các kiến thức lý thuyết về quá trình nghiên cứu trong khoa học kinh tế, các loại hình và phương pháp nghiên cứu, phương pháp xây dựng mô hình và giả thuyết

ngiên cứu, lấy mẫu, đo lường và thang đo nghiên cứu, thiết kế bản câu hỏi, các phương pháp phân tích dữ liệu nghiên cứu, viết báo cáo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

EM7010 Research Methods in Economics and Business Studies

The tools of research methodology will be discussed in this course and linked with problems in economics and business studies. The philosophical bases for conceiving and designing research, choice points in research design (eg, experimental vs. non-experimental methods, field vs. laboratory studies), and attendant issues of reliability, validity, and statistical analysis is covered. The course concludes with a hands-on examination of social research tools such as the questionnaire, interviews, and observation techniques.

EM7020 Phân tích dữ liệu trong nghiên cứu kinh tế và kinh doanh

Học phần nhằm trang bị các kiến thức và kỹ năng phân tích dữ liệu trong nghiên cứu kinh tế và kinh doanh, dựa trên các phần mềm chuyên dùng cho nghiên cứu là SPSS (phiên bản 18.0 gọi là PASW) và AMOS. Học phần bao gồm: lý thuyết và thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh; ứng dụng SPSS trong phân tích thống kê mô tả, kiểm định các giả thuyết thống kê, kiểm định thang đo, phân tích tương quan và hồi quy, phân tích nhân tố, phân tích đa biến; lý thuyết về mô hình phương trình cấu trúc (SEM – Structural Equation Model); ứng dụng AMOS trong việc xác định mô hình phương trình cấu trúc; và đánh giá tính phù hợp của mô hình phương trình cấu trúc.

EM 7020 Data Analysis in Economic and Business Studies

This course aims at providing knowledge and skills in analyzing data in economics and business studies. The main contents of this course consist of the theory of business statistics and the application of SPSS and AMOS in descriptive analysis of data, hypothetical and measurement tests, correlation and regression analysis, factor analysis, multi-variable analysis and research model examination.

EM7111 Lý thuyết marketing

Học phần nhằm cung cấp cho nghiên cứu sinh các vấn đề lý thuyết mới trong lĩnh vực khoa học marketing mà đang được các nhà khoa học quốc tế và trong nước quan tâm. Học phần sẽ đề cập tới các lý thuyết về marketing quan hệ, chất lượng cảm nhận, sự thoả mãn, sự trung thành của khách hàng, giá trị thương hiệu, tài sản thương hiệu, hình ảnh thương hiệu, phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị thương hiệu, phát triển sản phẩm mới, phát triển dịch vụ mới, quản trị bao bì, quản trị các kênh phân phối hiện đại và truyền thông marketing trong thời đại kỹ thuật số.

EM7111 Theories of Marketing

The course aims at providing doctoral students with new theoretical issues in marketing science that interest international and national marketing scientists. The course will cover theories of relationship marketing, perceived quality, customer satisfaction, customer loyalty, brand value, brand equity, brand image, market segmentation, target market selection, brand positioning, new product development, new service development, packaging management, modern distribution channel management, and marketing communications in the digital age.

EM7121 Quản trị đổi mới

Học phần nhằm trang bị cách tiếp cận từ góc độ kỹ thuật và quản trị để nâng cao hiệu quả của quá trình đổi mới hệ thống trong kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung: sáng tạo các ý tưởng mới có khả năng thương mại hóa trong các doanh nghiệp; các thách thức trong việc xây dựng và duy trì hoạt động của tổ chức thông qua đổi mới và sáng tạo; các vấn đề trong phân bổ nguồn lực ở các công ty đổi mới; và chiến lược của các ngành dựa trên sản phẩm cải tiến nhanh chóng.

EM7121 Innovation Management

This course aims to provide a technical and management approach to increase the effectiveness and efficiency of the system innovation process in businesses. It includes: the generation of commercializable new ideas in companies; the challenges to building and maintaining an organization based on creativity and innovation; issues in making resource allocation decisions in innovative companies; and strategies in industries based on fast-changing creative and innovative products.

EM7131 Các vấn đề về năng lượng và phát triển bền vững

Môn học này cung cấp các kiến thức chuyên sâu về các kinh tế năng lượng, phát triển hệ thống năng lượng từ quan điểm phát triển bền vững. Nội dung của môn học tập trung làm rõ quan điểm phát triển bền vững với việc cân bằng và làm hài hoà đồng thời ba nội dung của sự phát triển bao gồm: phát triển kinh tế - khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên; biến đổi khí hậu toàn cầu và bảo vệ môi trường. Từ đó, các vấn đề về phát triển hệ thống năng lượng sẽ được xem xét thông qua cách tiếp cận “phát triển bền vững”.

EM7131 Issues of Energy and Sustainable Development

This course is to provide the specialized knowledge of theoretical and empirical issues about energy economics and energy system development from the viewpoint of sustainable development. The content this course focuses on the development sustainable concept with the balance and harmony while the trio factors of development: Economic Development; Natural resources exploitation and utilization; Global Climate change and Environmental protection. So, the energy system development will be studied by this new approach of sustainable development.

EM7141 Những công cụ thành công trong quản trị sản xuất và tác nghiệp

Môn học giúp các nhà nghiên cứu chuyên sâu về Quản trị sản xuất hệ thống hoá những tiến bộ trong lịch sử phát triển lĩnh vực Quản trị sản xuất thông qua những mô hình tổ chức sản xuất tiên tiến đã được áp dụng trong các giai đoạn khác nhau của lịch sử: Chuyên môn hoá sản xuất, Bài toán tối ưu năng lực sản xuất, Quy mô sản xuất tối ưu, Thiết kế có trợ giúp của máy tính (CAD), Sản xuất tích hợp với máy tính và hệ thống sản xuất linh hoạt (CIM, FMS), Sản xuất đúng thời điểm (JIT), và những mô hình mới đây như MRP, SMED, Lean, ERP... Thường xuyên cập nhật những thông tin về những tiến bộ trong lĩnh vực này.

EM7141 Successful Models in Operation Management

This course aims to provide indeep research of operation management system from historical to modernized viewpoints. It covers all the operation managements models such as: production line system, optimization system, CAD, CIM, FMS, JIT and current issues of MRP, SMED, Lean, ERP,...This course also provides contemporary researches in operation management.

EM7151 Lý thuyết Quản trị nguồn nhân lực

Học phần nhằm cung cấp cho nghiên cứu sinh các nghiên cứu hiện nay trên thế giới về vấn đề quản lý con người trong các tổ chức, doanh nghiệp. Học phần sẽ đề cập tới các lý thuyết liên quan đến hoạt động của tổ chức, tâm lý nhân viên, hành vi của các thành viên trong tổ chức, tính kinh tế trong việc sử dụng lao động, mối quan hệ giữa con người trong tổ chức. Các nội dung nghiên cứu sẽ phân tích các vấn đề dưới góc độ cá nhân một con người và dưới góc độ tổ chức là một tổng thể của nhiều cá nhân.

EM7151 Theories of Human Management

This course will focus on contemporary research on employment issues as it relates to theories in organizational studies, sociology, and labor economics. The course analyzes these issues from both the individual and firm level of analysis..

EM7161 Quản trị dịch vụ

Mục tiêu của học phần là giúp NCS có kiến thức và kỹ năng nghiên cứu khoa học về quản trị dịch vụ trong nền kinh tế thị trường hiện đại theo xu thế hội nhập quốc tế và kinh tế toàn cầu. Các nội dung chính của học phần bao gồm: nghiên cứu về quản trị hiệu quả các doanh nghiệp dịch vụ hoặc có yếu tố dịch vụ cấu thành sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp; nghiên cứu sự ảnh hưởng của dịch vụ đến năng lực cạnh tranh trong kinh doanh và hiệu quả kinh doanh theo hướng phát triển bền vững. NCS được yêu cầu phải tổng quan các lý thuyết khoa học về quản trị dịch vụ của những doanh nghiệp tiên tiến cả trong và ngoài nước; phân tích, đánh giá và phản biện khoa học về thực trạng kinh doanh của các doanh nghiệp dịch vụ Việt Nam; đề xuất các phương hướng và giải pháp mới trong quản trị dịch vụ nhằm đạt hiệu quả kinh doanh và tăng cường khả năng hội nhập và cạnh tranh trong nền kinh tế toàn cầu.

EM7161 Service Management

The course objective is to help doctoral students have scientific knowledge and skills on services management in a modern market economy in the trend of international integration and economic globalization. The main contents include: studies on effective management of service businesses or of the business that have a service element in their products; the influences of services on business competitiveness and efficiency in the sustainable development orientation. Students are required to review scientific theories on service management in advanced enterprises in the domestic and international markets; scientific analyses, assessments and reviews on the current business situation of Vietnamese service enterprises; suggest general ways and new solutions in service management in order to achieve expected business efficiency, to enhance integration capability and competitiveness in the global economy.

EM7171 Lý thuyết đương đại trong tài chính

Nội dung của học phần đề cập các vấn đề đương đại của quản lý tài chính bao gồm: (1) Các chính sách của chính phủ liên quan đến quản lý tài chính, (2) Một số vấn đề tài chính quốc tế, (3) Các đòn bẩy và ứng dụng trong quản lý tài chính, (4) Cơ cấu vốn và chính sách tài trợ, (5) Phân tích tài chính, (6) Lập ngân sách vốn, và (7) Hoạch định tài chính. NCS sẽ có cơ hội nghiên cứu các chủ đề và khuynh hướng mới trong quản lý tài chính hiện đại và trên cơ sở đó xây dựng mục tiêu và khuôn khổ nghiên cứu cho mình trong lĩnh vực quản lý tài chính.

EM7171 Modern theories in finance

The course is intended to deal with contemporary issues in financial management including: (1) Government policies concerning financial management, (2) Issues in international finance, (3) Leverages and the uses in financial management, (4) Capital structure and financing policies, (5) Financial analysis, (6) Capital budgeting, and (7) Financial planning. Doctoral candidates will be offered the opportunities to study new issues and trends in today financial management, and on the basis of their findings to develop his or her own research objectives and framework in the field of financial management.

Kế hoạch học tập các học phần Tiến sĩ

Nghiên cứu sinh phải hoàn thành các học phần Tiến sĩ trong vòng 24 tháng kể từ ngày Ký quyết định công nhận NCS và theo kế hoạch năm học. HP TS được coi là đạt nếu điểm kết thúc đạt từ C trở lên

Các HP TS được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Khi NCS nhập học, NCS phải đăng ký học các HP TS và nộp cho Viện ĐT Sau đại học.

Bước 2: Viện Kinh tế và Quản lý lên kế hoạch tổ chức lớp và thông báo cho giáo viên phụ trách học phần và giao cho giáo viên phụ trách HP trong tuần thứ 5 của học kỳ.

Bước 3: NCS thực hiện các HP TS theo đúng qui định và yêu cầu của môn học.

Bước 4: Giáo viên giảng dạy có trách nhiệm nộp cho Viện Kinh tế và Quản lý kết quả học phần chậm nhất 2 tuần sau khi kết thúc học kỳ để Viện chuyên ngành nộp kết quả cho Viện Đào tạo Sau đại học.

7.4. Tiểu luận tổng quan

Bài TLTQ về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án: thể hiện kết quả NC phân tích, đánh giá các công trình NC đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung NC giải quyết. NCS thực hiện bài TLTQ dưới sự hướng dẫn của NHD luận án.

Tiểu luận tổng quan được đánh giá kết thúc thông qua hình thức báo cáo trước đơn vị chuyên môn (báo cáo trình bày trong khoảng 15 phút), tranh luận và trả lời câu hỏi, sau đó đơn vị chuyên môn sẽ đánh giá bài TLTQ đạt yêu cầu hay chưa đạt yêu cầu, có ghi biên bản buổi báo cáo.

NCS phải hoàn thành bài TLTQ với kết quả đạt yêu cầu trong vòng 12 tháng kể từ ngày được triệu tập trúng tuyển. Tiểu luận tổng quan tương đương với 2 tín chỉ.

7.5. Chuyên đề Tiến sĩ

Các CĐTS đòi hỏi NCS tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của NCS, nâng cao năng lực NC khoa học, giúp NCS giải quyết trực tiếp một số nội dung của đề tài luận án. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 3 chuyên đề Tiến sĩ, có thể tùy chọn từ danh sách hướng chuyên sâu. Mỗi hướng chuyên sâu đều có người hướng dẫn do Hội đồng Xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành của Viện quyết định.

Người hướng dẫn khoa học luận án của nghiên cứu sinh sẽ đề xuất đề tài cụ thể. Ưu tiên đề xuất đề tài gắn liền, thiết thực với đề tài của luận án Tiến sĩ.

Sau khi đã có đề tài cụ thể, NCS thực hiện đề tài đó dưới sự hướng dẫn khoa học của người hướng dẫn chuyên đề.

Danh mục hướng chuyên sâu cho Chuyên đề Tiến sĩ

Thứ tự	MÃ SỐ	HƯỚNG CHUYÊN SÂU	NGƯỜI HƯỚNG DẪN	TÍN CHỈ
1	EM7911	Quản trị Marketing và thương mại điện tử	1. TS. Ngô Trần Ánh 2. TS. Nguyễn Thị Mai Anh 3. TS. Phạm Thị Thanh Hồng 4. PGS. Trần Văn Bình	2
2	EM7921	Quản trị chất lượng	1. TS. Lê Hiếu Học 2. TS. Dương Mạnh Cường 3. TS. Đỗ Tiến Minh	2
3	EM7931	Quản lý năng lượng	1. PGS. Trần Văn Bình 2. PGS. Phạm Thị Thu Hà 3. PGS. Bùi Xuân Hồi 4. TS. Phạm Cảnh Huy 5. TS. Phan Diệu Hương	2
4	EM7941	Quản trị tác nghiệp và chuỗi cung cấp	1. TS. Nguyễn Văn Nghiễn 2. PGS. Trần Bích Ngọc 3. TS. Nguyễn Danh Nguyên 4. TS. Cao Tô Linh 5. TS. Dương Mạnh Cường	2
5	EM7951	Quản trị nhân sự và Hành vi tổ chức	1. TS. Phạm Thị Nhuận 2. TS. Nguyễn Danh Nguyên 3. TS. Phạm Thị Kim Ngọc 4. TS. Lê Hiếu Học	2
6	EM7961	Quản trị dịch vụ	1. TS. Phạm Thị Thanh Hồng 2. TS. Nguyễn Thị Mai Anh 3. PGS. Trần Văn Bình	2
7	EM7971	Quản trị Tài chính	1. TS. Nghiêm Sỹ Thương 2. TS. Trần Việt Hà	2

Thứ tự	MÃ SỐ	HƯỚNG CHUYÊN SÂU	NGƯỜI HƯỚNG DẪN	TÍN CHỈ
			3. TS. Nguyễn Tiên Phong 4. TS. Đào Thanh Bình	
8	EM7981	Quản trị Công nghệ	1. TS. Đặng Vũ Tùng 2. TS. Nguyễn Ngọc Điện 3. TS. Lê Hiếu Học 4. PGS. Trần Thị Bích Ngọc	2
9	EM7991	Quản trị chiến lược	1. TS. Nguyễn Văn Nghiễn 2. TS. Nguyễn Ngọc Điện 3. TS. Phạm Thị Kim Ngọc	2

CDTS được coi là đạt nếu kết quả trung bình của các thành viên hội đồng đạt từ C trở lên.

7.6. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ

NC khoa học là giai đoạn chính, mang tính bắt buộc trong quá trình NCS thực hiện LATS. Đây là giai đoạn mà NCS có thể đạt tới tri thức mới hoặc giải pháp mới, hình thành các cơ sở quan trọng nhất để viết nên LATS. Trên cơ sở tính chất của lĩnh vực NC thuộc khoa học tự nhiên hay khoa học kỹ thuật – công nghệ, các Viện chuyên ngành, các BM và NHD có các yêu cầu cụ thể đối với việc NC khoa học của NCS:

- Đánh giá hiện trạng tri thức, hiện trạng giải pháp công nghệ liên quan đến đề tài luận án.
- Yêu cầu điều tra, thực nghiệm để bổ sung các dữ liệu cần thiết.
- Yêu cầu suy luận khoa học hoặc thiết kế giải pháp, gắn liền với thí nghiệm.
- Phân tích, đánh giá các kết quả thu được từ quá trình suy luận khoa học hay thí nghiệm.

NCS phải chủ động thực hiện nhiệm vụ NCKH và kết quả nghiên cứu phải được công bố chính thức thành các bài báo khoa học theo đúng quy định của Quy chế đào tạo tiến sĩ. Các đề tài NCKH và bài viết công bố phải phù hợp với mục tiêu của luận án, đảm bảo tính trung thực, tính khoa học và tính mới. Nội dung các bài báo không được trùng lặp và phản ánh các nội dung chính của luận án. Các bài báo, phát minh, sáng chế là kết quả nghiên cứu, nghiên cứu sinh phải đứng tên của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

Luận án tiến sĩ phải là một công trình NC khoa học sáng tạo của chính NCS, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành khoa học hay thực tiễn kinh tế - xã hội. Luận án tiến sĩ thực hiện đúng quy cách và đảm bảo các yêu cầu cơ bản theo quy định của Quy chế đào tạo tiến sĩ.

NCS chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu của luận án, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

8. Danh sách Tạp chí / Hội nghị khoa học

Các diễn đàn khoa học trong và ngoài nước trong bảng dưới đây là nơi NCS có thể chọn công bố các kết quả nghiên cứu khoa học phục vụ hoàn thành luận án Tiến sĩ.

Số TT	TÊN TẠP CHÍ	CƠ QUAN XUẤT BẢN	Định kỳ xuất bản
1	Các tạp chí khoa học nước ngoài cấp quốc gia và quốc tế viết bằng một trong các thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc, Tây Ban Nha (có mã số ISSN kể cả tạp chí của các trường đại học nước ngoài)		Hàng tháng hoặc hàng quý
2	Nghiên cứu Kinh tế	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
3	Kinh tế và phát triển	ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội	Hàng tháng
4	Phát triển kinh tế	ĐH Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Hàng tháng
5	Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới (tên cũ: Những vấn đề Kinh tế thế giới)	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
6	Khoa học Thương mại	ĐH Thương mại	Hàng tháng
7	Kinh tế đối ngoại	ĐH Ngoại thương	Hàng tháng
8	Nghiên cứu Tài chính - Kế toán	Học viện Tài chính	Hàng tháng
9	Quản lý Nhà nước	Học viện Hành chính Quốc gia	Hàng tháng
10	Khoa học và Đào tạo ngân hàng	Học viện Ngân hàng	Hàng tháng
11	Kế toán	Hội Kế toán Việt Nam	Hàng tháng
12	Các tạp chí khoa học thuộc khối khoa học kinh tế, quản lý và kinh doanh của các trường ĐH Quốc gia Hà Nội, ĐH Quốc gia TP.Hồ Chí Minh, ĐH Thái Nguyên, ĐH Đà Nẵng, ĐH Huế và các trường ĐH khác (nếu có)		
13	Kinh tế - Dự báo	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng tháng
14	Ngân hàng (tên cũ: Tạp chí Ngân hàng, Tạp chí Thông tin Khoa học Ngân hàng)	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Hàng tháng
15	Economic Development	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng

Số TT	TÊN TẠP CHÍ	CƠ QUAN XUẤT BẢN	Định kỳ xuất bản
		Nam	
16	Nghiên cứu Đông Nam Á	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
17	Vietnam's Socio-Economic Development	Viện Khoa học xã hội Việt Nam	Hàng tháng
18	Vietnam Social Science	Viện Khoa học xã hội Việt Nam	Hàng tháng
19	Kiểm toán	Kiểm toán Nhà nước	Hàng tháng
20	Thương mại	Bộ Công thương	Hàng tháng
21	Tài chính	Bộ Tài chính	Hàng tháng
22	Công nghiệp	Bộ Công nghiệp	Hàng tháng
23	Thị trường Tài chính tiền tệ	Hiệp Hội Ngân hàng Việt Nam	Hàng tháng
24	Thuế Nhà nước	Tổng cục Thuế	Hàng tháng
25	Vietnam Banking Review	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Hàng tháng
26	Vietnam Economic Review	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
27	Thống kê (con số và sự kiện)	Tổng cục Thống kê	Hàng tháng
28	Du lịch Việt Nam	Tổng cục Du lịch	Hàng tháng
29	Bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Hàng tháng
30	Tài chính doanh nghiệp	Cục Tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính	Hàng tháng
31	Lao động xã hội	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	Hàng tháng
32	Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
33	Nghiên cứu Đông Bắc Á (tên cũ: Nghiên cứu Nhật Bản; Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á)	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
34	Châu Mỹ ngày nay	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
35	Hoạt động khoa học	Bộ Khoa học và Công nghệ	Hàng tháng
36	Nghiên cứu Châu Âu	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng

Số TT	TÊN TẠP CHÍ	CƠ QUAN XUẤT BẢN	Định kỳ xuất bản
37	Nghiên cứu Quốc tế	Học viện Quan hệ Quốc tế	Hàng tháng
38	Nghiên cứu Trung Quốc	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
39	Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	Trung tâm Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	Hàng tháng
40	Quản lý Kinh tế	Viện Nghiên cứu Kinh tế Trung ương	Hàng tháng

PHẦN II

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

9. Danh mục học phần chi tiết của chương trình đào tạo

9.1. Danh mục học phần bổ sung, chuyển đổi

Danh mục học phần bổ sung, chuyển đổi có thể xem chi tiết mục 9 “*Danh bạ học phần chi tiết* (bao gồm tất cả các môn bắt buộc, tự chọn, bổ sung, chuyển đổi)” quyển “*Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh*”.

9.2. Danh mục học phần trình độ Tiến sĩ

Số TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÊN TIẾNG ANH	KHỐI LƯỢNG	Khoa/Viện Bộ môn	Đánh giá
1	EM7010	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh	Research Methods in Economics and Business Studies	3(3-0-0-6)	Bộ môn QTKD và KTH	KT0,3-T0,7
2	EM7020	Phân tích dữ liệu trong nghiên cứu kinh tế và kinh doanh	Data Analysis in Economic and Business Studies	3(2-0-2-6)	Bộ môn QTKD và KTH	KT0,4-T0,6
3	EM7111	Lý thuyết Marketing	Theories of Marketing	3(3-0-0-6)	Bộ môn QTKD	KT0,3-T0,7
4	EM7121	Quản trị đổi mới	Innovation Management	3(3-0-0-6)	Bộ môn QLCN	KT0,3-T0,7
5	EM7131	Các vấn đề về năng lượng và phát triển bền vững	Issues of Energy and Sustainable Development	3(3-0-0-6)	Bộ môn KTNL	KT0,3-T0,7
6	EM7141	Những công cụ thành công trong Quản trị tác nghiệp	Successful Models in Operation Management	3(3-0-0-6)	Bộ môn QLCN	KT0,3-T0,7
7	EM7151	Lý thuyết quản trị nguồn nhân lực	Theories of Human Resources Management	3(3-0-0-6)	Bộ môn QLCN và KTH	KT0,3-T0,7
8	EM7161	Quản trị dịch vụ	Service Management	3(3-0-0-6)	Bộ môn QTKD và QLCN	KT0,4-T0,6
9	EM7171	Lý thuyết đương đại trong Tài chính	Modern theories in finance	3(3-0-0-6)	Bộ môn QLTC	KT0,3-T0,7

10 Đề cương chi tiết các học phần trình độ Tiến sĩ

(xin xem từ trang kế tiếp)

EM7010 Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh

Research Methods in Economics and Business Studies

- 1. Tên học phần:** Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh
- 2. Mã học phần:** EM7010
- 3. Tên tiếng Anh:** Research Methods in Economics and Business Studies
- 4. Khối lượng:** 3(3-0-0-6)
 - Lý thuyết: 45 tiết
 - Bài tập:
 - Thực hành trên máy:
- 5. Đối tượng tham dự:** Tất cả NCS thuộc chuyên ngành Kinh Tế Công Nghiệp và Kinh tế học
- 6. Mục tiêu của học phần:** Kết thúc học phần này NCS sẽ có khả năng:
 - Hiểu được các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu
 - Biết cách lựa chọn vấn đề cần nghiên cứu
 - Biết cách thiết kế và triển khai một nghiên cứu
 - Biết trình phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu
- 7. Nội dung tóm tắt:**

Học phần nhằm cung cấp các kiến thức lý thuyết về quá trình nghiên cứu trong khoa học kinh tế, các loại hình và phương pháp nghiên cứu, phương pháp xây dựng mô hình và giả thuyết nghiên cứu, lấy mẫu, đo lường và thang đo nghiên cứu, thiết kế bản câu hỏi, các phương pháp phân tích dữ liệu nghiên cứu, viết báo cáo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.
- 8. Nhiệm vụ của NCS:**
 - Dự lớp: 100%
 - Bài tập: Bài tập cá nhân và bài tập nhóm
 - Thí nghiệm: không
- 9. Đánh giá kết quả:** (cách cho điểm giống như quy định đối với Cao học)
 - Đánh giá quá trình: 30%
 - Tham gia dự giờ trên lớp học
 - Hoàn thành bài tập cá nhân và bài tập nhóm
 - Thi kết thúc học phần: 70%

10. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN MỞ ĐẦU

- Giới thiệu môn học
- Giới thiệu đề cương môn học
- Giới thiệu tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1: Tổng quan về nghiên cứu khoa học

- 1.1 Các khái niệm cơ bản
- 1.2 Phân loại nghiên cứu khoa học
- 1.3 Tiêu chí đánh giá một nghiên cứu
- 1.4 Phương pháp nghiên cứu khoa học
- 1.5 Các bước tiến hành quá trình nghiên cứu
- 1.6 Kết quả của một cuộc nghiên cứu khoa học

CHƯƠNG 2: Xác định vấn đề nghiên cứu

- 2.1 Lựa chọn đề tài
- 2.2 Giới hạn đề tài
- 2.3 Soạn thảo đề cương chi tiết
- 2.4 Định hướng nghiên cứu

CHƯƠNG 3: Lập kế hoạch nghiên cứu

- 3.1 Mô hình nghiên cứu
- 3.2 Phương pháp nghiên cứu
- 3.3 Đối tượng nghiên cứu

CHƯƠNG 4: Xây dựng thang đo

- 4.1 Số liệu thứ cấp và số liệu sơ cấp
- 4.2 Đo lường là gì?
- 4.3 Các loại thang đo
- 4.4 Đánh giá thang đo
- 4.5 Đo lường thái độ

CHƯƠNG 5: Các phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp

- 5.1 Các phương pháp chọn mẫu
- 5.2 Các phương pháp giao tiếp trong điều tra

CHƯƠNG 6: Phân tích dữ liệu

- 6.1 Phân tích định tính
- 6.2 Phân tích định lượng

CHƯƠNG 7: Trình bày kết quả nghiên cứu

- 7.1 Kết cấu một báo cáo nghiên cứu
- 7.2 Cách viết tài liệu tham khảo
- 7.3 Phổ biến kết quả nghiên cứu

11. Tài liệu học tập: (danh mục các giáo trình, nếu không có thì bỏ trống)

12. Tài liệu tham khảo:

- [1] Marczyk, G., DeMatteo, D., and Festinger, D., 2005. *Essentials of Research Design and Methodology*. John Wiley & Sons.
- [2] Neil J. Salkind 2006. *Exploring Research*, Pearson Education International
- [3] Yin, R. K. (2003) *Case Study Research: Design and Methods*, 3rd Ed. (London etc.: SAGE Publications).
- [4] Cooper, D. R., and Schindler, P., 2001. *Business Research Methods*, 7th Ed. The McGraw-Hill Companies, Inc.
- [5] Nguyễn Thị Cảnh, Phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế. TP.HCM: NXB ĐHQG TP.HCM, 2004.
- [6] Nguyễn Xuân Nghĩa, Phương pháp và Kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội. TP.HCM: NXB Trẻ, 2004.
- [7] Vũ Cao Đàm, *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Hà Nội: NXB KHKT, lần thứ 8, 2003.
- [8] TS. Nhật Từ, Cẩm nang viết khảo luận, luận văn, luận án. TP.HCM: NXB Tp.HCM, 2003.
- [9] Nguyễn Minh Hiệp – Lê Ngọc Oánh, Dương Thúy Hương, Tổng quan Khoa học Thông tin và Thư Viện. TP.HCM: NXB ĐHQG TP.HCM, 2001.
- [10] Các tài liệu, giáo trình môn học Lý thuyết Thống Kê.

EM7020 Phân tích dữ liệu trong nghiên cứu kinh tế và kinh doanh

Data analysis in economic and business studies

- 1. Tên học phần:** Phân tích dữ liệu trong nghiên cứu kinh tế và kinh doanh
- 2. Mã học phần:** EM7020
- 3. Tên tiếng Anh:** Data analysis in economic and business studies
- 4. Khối lượng:** 3(2-0-2-6)
 - Lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập:
 - Thực hành trên máy: 30 tiết
- 5. Đối tượng tham dự:** Tất cả NCS thuộc chuyên ngành Kinh tế học và Kinh tế công nghiệp
- 6. Mục tiêu của học phần:** Sau khi hoàn thành xong học phần này, NCS có thể
 - Xác định các biến phân tích thường gặp trong nghiên cứu định lượng
 - Ứng dụng thành thạo phần mềm SPSS và/hoặc AMOS trong việc phân tích dữ liệu định lượng.
 - Diễn giải và trình bày khoa học, hiệu quả kết quả phân tích dữ liệu.
- 7. Nội dung tóm tắt:** (tóm tắt nội dung chính ước chừng 3-5 dòng)
 - Giới thiệu tổng quan về phần mềm SPSS và/hoặc AMOS
 - Dữ liệu và thống kê căn bản
 - Quản lý và vận hành dữ liệu
 - Trình bày kết quả xử lý dữ liệu
- 8. Nhiệm vụ của NCS:**
 - Dự lớp: đầy đủ (cả phần lý thuyết và trong phòng máy tính)
 - Bài tập: Bài tập nhóm và bài tập các nhân
- 9. Đánh giá kết quả:**
 - Mức độ dự giờ giảng: 10%
 - Kiểm tra giữa kỳ: 30%
 - Thi kết thúc học phần và bài tập: 60%

10. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN MỞ ĐẦU

Giới thiệu môn học

Giới thiệu đề cương môn học

Giới thiệu tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1: Dữ liệu và Thống kê căn bản

1.1 Những vấn đề cơ bản về dữ liệu: Các biến, dữ liệu

1.2 Các kiểu dữ liệu: Định lượng, định tính, sơ cấp, thứ cấp, định danh, thứ tự, khoảng và tỉ lệ

CHƯƠNG 2: Sắp xếp dữ liệu

- 2.1 Mở một tập dữ liệu
- 2.2 Khai báo đặc tính của các biến
- 2.3 Đặt trọng số
- 2.4 Tạo một tập dữ liệu nhỏ hơn bằng việc tổng hợp biến
- 2.5 Sắp xếp
- 2.6 Giảm quy mô mẫu
- 2.7 Lọc dữ liệu
- 2.8 Thay thế các giá trị còn thiếu (missing values)

CHƯƠNG 3: Tạo các biến mới

- 3.1 Tạo biến ảo, biến nhóm, biến liên tục
- 3.2 Sử dụng các phép tính toán học để tạo các biến mới
- 3.3 Tạo tập viển nhiều câu trả lời (multiple response)
- 3.4 Nhóm các biến liên tục bằng việc phân tích cụm (Cluster analysis)

CHƯƠNG 4: Phân tích đơn biến (univariate analysis)

- 4.1 Đồ thị (Bar, Line, Area, và Pie)
- 4.3 Tần suất và phân bố
- 4.4 Các phương pháp khác
- 4.5 Kiểm chứng giả thuyết (mean is equal) – T-test

CHƯƠNG 5: So sánh các biến giống nhau

- 5.1 Đồ thị (Bar, Pie)
- 5.2 So sánh giá trị trung bình và phân bố

CHƯƠNG 6: Thống kê đa biến (Multivariate Statistics)

- 6.1 Đồ thị
- 6.2 Phân bố
- 6.3 Tương quan
- 6.4 So sánh giá trị trung bình và phân bố của 1 biến của các nhóm nhỏ: T-test, ANOVA

CHƯƠNG 7: Hồi quy tuyến tính

- 7.1 Hồi quy tuyến tính
- 7.2 Diễn giải kết quả phân tích hồi quy

CHƯƠNG 8: Kiểm chứng không tham số (non-parametric testing)

- 8.1 Binominal test
- 8.2 Chi-square

11. Tài liệu học tập:

Bài giảng do giảng viên biên soạn

Phần mềm SPSS 13.0

12. Tài liệu tham khảo:

- [1] Salkind, N.J. (2009) *Exploring Research* (7th ed.). Person Education International, New Jersey.
- [2] Gupta, V. (1999) *SPSS for Beginners*. VJBook.

EM 7111 Lý thuyết marketing

Theory of Marketing

1. Tên học phần: Lý thuyết marketing

2. Mã học phần: EM 7111

3. Tên tiếng Anh: Theory of Marketing

4. Khối lượng: 3(3-0-0-6)

- Lý thuyết: 45 tiết
- Bài tập, tiểu luận: làm tại nhà

5. Đối tượng tham dự: Tất cả NCS thuộc ngành kinh tế: kinh tế học, kinh tế công nghiệp, quản trị kinh doanh, quản lý công nghiệp, tài chính- kế toán

6. Mục tiêu của học phần: Học phần này nhằm mang lại cho NCS:

- Các kiến thức nâng cao về lý thuyết về marketing và quản trị marketing
- Nâng cao khả năng tư duy, nhận thức về thị trường và môi trường kinh doanh
- Rèn luyện kỹ năng thực hành nghiên cứu marketing

7. Nội dung tóm tắt:

Học phần sẽ đề cập tới các lý thuyết về nhu cầu, mong muốn, trao đổi, marketing quan hệ, chất lượng cảm nhận, sự thoả mãn, sự trung thành của khách hàng, quản trị thương hiệu và nâng cao giá trị thương hiệu, phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị sản phẩm, phát triển sản phẩm mới, phát triển dịch vụ mới, quản trị bao bì, quản trị các kênh phân phối hiện đại và truyền thông marketing trong thời đại kỹ thuật số.

8. Nhiệm vụ của NCS:

- Dự lớp đầy đủ theo qui định
- Nộp bài tập đúng thời gian qui định
- Tham gia tích cực các buổi thảo luận tình huống.
- Tham dự thi kết giữa kỳ và thi thúc môn học.

9. Đánh giá kết quả:

- Mức độ dự giờ giảng, kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc học phần: 70%

10. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN MỞ ĐẦU

Giới thiệu môn học

Giới thiệu đề cương môn học

Giới thiệu tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ MARKETING, XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC MARKETING

- 1.1 Tổng quan về marketing, quản trị marketing
- 1.2 Vai trò của marketing trong kinh doanh và trong xã hội
- 1.3 Xây dựng chiến lược marketing và kế hoạch marketing

CHƯƠNG 2: NGHIÊN CỨU MARKETING VÀ HỆ THỐNG THÔNG TIN MARKETING

- 2.1 Hệ thống thông tin marketing và nghiên cứu marketing
- 2.2 Dự báo thị trường trong nghiên cứu marketing

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG MARKETING, HÀNH VI CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG, PHÂN KHÚC THỊ TRƯỜNG

- 3.1 Phân tích môi trường marketing
- 3.2 Phân tích hành vi của người tiêu dùng và khách hàng là các tổ chức
- 3.3 Phân khúc thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị sản phẩm

CHƯƠNG 4: CÁC QUYẾT ĐỊNH VỀ SẢN PHẨM

- 4.1 Các quyết định về hỗn hợp sản phẩm và dòng sản phẩm
- 4.2 Các quyết định về thương hiệu, bao bì, dịch vụ hỗ trợ
- 4.3 Phát triển sản phẩm mới
- 4.4 Chu kỳ sống của sản phẩm và quản trị marketing

CHƯƠNG 5: CÁC QUYẾT ĐỊNH VỀ GIÁ VÀ PHÂN PHỐI

- 5.1 Xác định giá cơ sở
- 5.2 Các chiến lược định giá
- 5.3 Thiết kế kênh và quản trị kênh phân phối

CHƯƠNG 6: CÁC QUYẾT ĐỊNH VỀ TRUYỀN THÔNG MARKETING

- 6.1 Các thành phần của truyền thông marketing tổng hợp
- 6.2 Thiết kế các chương trình truyền thông
- 6.3 Đánh giá hiệu quả của truyền thông marketing

CHƯƠNG 7: TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG MARKETING

- 7.1 Tổ chức bộ máy hoạt động marketing
- 7.2 Đo lường, đánh giá hiệu quả hoạt động marketing

11. Tài liệu học tập:

Bài giảng do giảng viên biên soạn

12. Tài liệu tham khảo:

- [1] Trương Đình Chiến (2007). *Quản trị marketing trong doanh nghiệp*. Hà Nội: NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
- [2] Kotler, Philip (2003), *Quản trị marketing* (bản dịch từ tiếng Anh. Người dịch: Vũ Trọng Hùng). TPHCM: NXB Thống kê.
- [3] Ánh, Ngô Trần (2011). *Bài giảng PowerPoint Quản trị marketing*. Khoa Kinh tế và Quản lý, Trường ĐH Bách khoa Hà Nội.
- [4] Đạo, Trần Minh (2003). *Marketing cơ bản*. NXB Thống kê
- [5] Kotler, Philip; Keller, Kevin Lane; (2009), *Marketing Management*, Prentice-Hall, Pearson Education International

EM7121 Quản trị Đổi mới

Innovation Management

1. Tên học phần: Quản trị đổi mới

2. Mã học phần: EM7121

3. Tên tiếng Anh: Innovation Management

4. Khối lượng: 3(3-0-0-6)

- Lý thuyết: 45 tiết

- Bài tập:

- Thí nghiệm:

5. Đối tượng tham dự: NCS thuộc chuyên ngành Kinh tế công nghiệp

6. Mục tiêu của học phần: Học phần này nhằm mang lại cho NCS:

- Các kiến thức nâng cao về vai trò của đổi mới đối với các doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh toàn cầu hiện nay
- Rèn luyện khả năng tư duy, phân tích và tổng hợp, khả năng liên hệ lý thuyết với thực tiễn
- Tiếp cận với những trường hợp nghiên cứu điển hình trên thế giới

7. Nội dung tóm tắt: (tóm tắt nội dung chính ước chừng 3-5 dòng)

Học phần trình bày các nội dung về đổi mới và quản trị quá trình đổi mới tại các doanh nghiệp, bao gồm: các khái niệm có liên quan; tác động của môi trường đến hoạt động đổi mới của tổ chức, cách thức, quy trình thực hiện quá trình đổi mới trong một doanh nghiệp, và một số nghiên cứu trường hợp điển hình minh họa cho các nội dung này.

8. Nhiệm vụ của NCS:

- Dự lớp: bắt buộc tham dự các giờ lý thuyết
- Bài tập: làm các bài thu hoạch dựa trên các trường hợp nghiên cứu điển hình
- Thí nghiệm:

9. Đánh giá kết quả: (cách cho điểm giống như quy định đối với Cao học)

- Mức độ dự giờ giảng: dự giờ 100%
- Kiểm tra định kỳ: dựa trên các bài thu hoạch (chiếm 30%)
- Thi kết thúc học phần: bài tự luận (chiếm 70%)

10. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN MỞ ĐẦU

Giới thiệu môn học

Giới thiệu đề cương môn học

Giới thiệu tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1: Quan điểm về đổi mới

- 1.1 Đổi mới và lợi thế cạnh tranh
- 1.2 Các hình thức đổi mới
- 1.3 Những thách thức của quá trình đổi mới
- 1.4 Các mô hình của quá trình đổi mới
- 1.5 Lộ trình đổi mới thành công

CHƯƠNG 2: Chiến lược đổi mới

- 2.1 Vai trò của chiến lược đổi mới
- 2.2 Các loại hình chiến lược đổi mới
- 2.3 Lựa chọn chiến lược đổi mới
- 2.4 Xây dựng chiến lược đổi mới
- 2.5 Chiến lược đổi mới cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ

CHƯƠNG 3: Quản trị nghiên cứu và phát triển

- 3.1 Vai trò của R&D
- 3.2 Chi cho R&D
- 3.3 Tổ chức thực hiện R&D
- 3.4 R&D quốc tế

CHƯƠNG 4: Quản trị đổi mới sản phẩm và dịch vụ

- 4.1 Khái niệm về đổi mới sản phẩm và dịch vụ
- 4.2 Tiềm năng đổi mới
- 4.3 Thành công và thất bại
- 4.4 Vai trò của thiết kế

CHƯƠNG 5: Đánh giá và cải thiện quản trị đổi mới

- 5.1 Những vấn đề then chốt
- 5.2 Đo lường hiệu quả quản trị đổi mới
- 5.3 Tiến hành đánh giá và phân loại
- 5.4 Thách thức của đổi mới trong tương lai

CHƯƠNG 6: Một số nghiên cứu trường hợp điển hình

- 6.1 Trong ngành hóa dược
- 6.2 Trong ngành điện tử và công nghệ thông tin
- 6.3 Trong ngành điện máy

11. Tài liệu học tập:

Tidd, J., Bessant, J., and Pavitt, K. (2005), *Managing Innovation: Integrating Technological, Market and Organizational Change*, 3rd Edition. John Wiley & Sons.

12. Tài liệu tham khảo:

- [1] Boutellier, R., Gassmann, O. and von Zedtwitz, M. (2008), *Managing Global Innovation: Uncovering the Secrets of Future Competitiveness*, 3rd edition. Springer.
- [2] Dodgson, M., Gann, D., and Salter, A. (2008), *The Management of Technological Innovation: Strategy and Practice*. Oxford University Press.
- [3] Forbes, N. and Wield, D. (2003), *From Followers to Leaders: Managing Technology and Innovation in Newly Industrializing Countries*. Taylor & Francis e-Library.
- [4] Verburg R. M., Ortt J. R. and Dicke W.M. (editors) (2006), *Managing Technology and Innovation – An Introduction*. Taylor & Francis e-Library.

EM7131 Các vấn đề về năng lượng và phát triển bền vững
Issues of Energy and Sustainable Development

1. **Tên học phần:** Các vấn đề về năng lượng và phát triển bền vững

2. **Mã học phần:** EM7131

3. **Tên tiếng Anh:** Issues of Energy and Sustainable Development

4. **Khối lượng:** 3(3-0-0-6)

- Lý thuyết: 45 tiết

- Bài tập:

- Thí nghiệm:

5. **Đối tượng tham dự:** Tất cả NCS thuộc chuyên ngành kinh tế công nghiệp

6. **Mục tiêu của học phần:** Học phần này nhằm mang lại cho NCS:

- Các kiến thức chuyên sâu về phát triển hệ thống năng lượng đặt trong các ràng buộc về môi trường và một cách tổng quan là trong bối cảnh phát triển bền vững.
- Xây dựng hệ thống các chỉ tiêu phát triển năng lượng bền vững, đánh giá chính sách năng lượng Việt Nam trên quan điểm phát triển năng lượng bền vững.
- Rèn luyện khả năng nghiên cứu chuyên sâu đối với các lĩnh vực kinh tế ứng dụng.
- Cách tiếp cận tổng hợp và tiếp cận đa mục tiêu: nghiên cứu xem xét vấn đề phát triển của một ngành đảm bảo hài hòa các mục tiêu phát triển hòa kinh tế - xã hội - công nghệ và bảo vệ môi trường.

7. Nội dung tóm tắt:

Môn học này cung cấp các kiến thức chuyên sâu về các kinh tế năng lượng, phát triển hệ thống năng lượng từ các quan điểm ra quyết định khác nhau từ cách tiếp cận truyền thống đến tiếp cận phát triển bền vững.

Nội dung của môn học tập trung làm rõ mối quan hệ tương tác giữa năng lượng, phát triển kinh tế và vấn đề bảo vệ môi trường. Vấn đề xây dựng chính sách năng lượng theo các quan điểm khác nhau từ trường phái kinh tế không biên giới đến trường phái phát triển bền vững – Quan điểm phát triển với việc cân bằng và làm hài hòa đồng thời các mục tiêu của sự phát triển bao gồm: phát triển kinh tế - khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên – yếu tố công nghệ; biến đổi khí hậu toàn cầu và bảo vệ môi trường.

Từ đó, các vấn đề về phát triển hệ thống năng lượng sẽ được xem xét thông qua cách tiếp cận “phát triển bền vững”. Các quy hoạch và phát triển hệ thống năng lượng trên quan điểm này cần phải được nghiên cứu với các ràng buộc về kinh tế- xã hội – môi trường được xây dựng theo độ sâu của mô hình phát triển bền vững với việc đưa vào khái niệm tổng quan “carbon Value”.

8. Nhiệm vụ của NCS:

- Dự lớp: 100%

- Bài tập: thực hiện đầy đủ

- Thí nghiệm:

9. Đánh giá kết quả: (cách cho điểm giống như quy định đối với Cao học)

- Mức độ dự giờ giảng: 10%
- Kiểm tra định kỳ: 20%
- Thi kết thúc học phần và bài tập: 70%

10. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN MỞ ĐẦU

Giới thiệu môn học

Giới thiệu đề cương môn học

Giới thiệu tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1: MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - NĂNG LƯỢNG – MÔI TRƯỜNG

- 1.1 Phát triển kinh tế và nhu cầu sử dụng tài nguyên năng lượng
- 1.2 Sử dụng tài nguyên năng lượng và vấn đề phát thải ô nhiễm
- 1.3 Ô nhiễm môi trường và lý thuyết kinh tế môi trường: thuế Pigou, giải pháp thương thảo Coase và thị trường phát thải Dales để nội hóa chi phí ngoại ứng

CHƯƠNG 2: TRƯỜNG PHÁI KINH TẾ KHÔNG BIÊN GIỚI VÀ TÍNH CẤP THIẾT CỦA PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 2.1 Trường phái “Kinh tế không biên giới” và hệ lụy của nó
- 2.2 Biến đổi khí hậu-thương thảo quốc tế và nghị định thư Kyoto về giảm khí thải: Bài học về lựa chọn con đường phát triển.
- 2.3 Các vấn đề lý thuyết về phát triển bền vững và phát triển năng lượng bền vững: Sự giao thoa của các mục tiêu kinh tế - xã hội-môi trường – công nghệ của các chính sách năng lượng

CHƯƠNG 3: LÝ THUYẾT RA QUYẾT ĐỊNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG NĂNG LƯỢNG: TỪ CỰC TIỂU CHI PHÍ ĐẾN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG BỀN VỮNG.

- 3.1 Tiếp cận truyền thống: cực tiểu chi phí kinh tế được hiện tại hóa (NPV)
- 3.2 Tiếp cận tối ưu hóa chi phí/lợi ích: nội hóa các phí ngoại ứng trong phát triển năng lượng
- 3.3 Tiếp cận chi phí/hiệu quả: Nguyên tắc hiệu quả về chi phí trong cho các mục tiêu phát triển năng lượng
- 3.4 Quan niệm “Giá trị carbon” trong các mô phỏng kinh tế về phát triển năng lượng bền vững.
- 3.5 Phát triển hệ thống năng lượng bền vững: mô phỏng với mô hình POLES

11. Tài liệu học tập:

- [1] Bùi Xuân Hồi (2010): Tập bài giảng “*Năng lượng và phát triển bền vững*”
- [2] IAEA-UN (2005): *Energy Indicator for Sustainable Development: Guidelines and Methodologies*, Vienna 2005
- [4] *Giáo trình: Kinh tế năng lượng*: Phạm Thu Hà chủ biên. 2006, NXB Thống kê
- [5] *Giáo trình: Giá năng lượng*: TS Bùi Xuân Hồi 2008 NXB Đại học Bách Khoa

12. Tài liệu tham khảo:

- [1] PennWell Corporation, Oil & Gas Journal, Vol.100, No 52 (December 23,2002).
- [2] Internet “Oil & Gas Journal January 1, 2003”.
- [3] TS Nguyễn Cảnh Nam (2003), *Sự hình thành và phát triển thị trường than Việt Nam*, Hà Nội.
- [4] Bộ Công nghiệp (2002) *Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam giai đoạn 2003 -2010 có xét tới triển vọng đến năm 2020*, Hà Nội
- [5] Bộ Công nghiệp (2008) *Tổng sơ đồ phát triển điện lực Việt Nam giai đoạn 2010-2020 có xét tới triển vọng đến năm 2025*, Hà Nội
- [6] Perthuis C. (2007): Prix du carbone et choix énergétiques, in Liaison Énergie-Francophonie, no 74, 2007.
- [7] IAEA-UN (2007): Energy Indicator for Sustainable Development, Country Studies on Brazil, Cuba, Lithuania, Mexico, Russian Federation, Slovakia and Thailand, IAEA-UN 2007.
- [8] IAEA-UN (2005): Energy Indicator for Sustainable Development: Guidelines and Methodologies, Vienna 2005
- [9] Pearce D. Atkinson G. Mourato S. (2006): Cost-Benefit Analysis and the Environment: Recent Developments, OECD 2006, vol. 2006.
- [10] EC DG XII (1995): Externalities of fuel cycles "ExternE" Project: Economic Valuation, Working document no 9, Metroeconomica, UK, 1995.
- [11] Blanchard O., Criqui P. (2000): La valeur du carbone: un concept générique pour les politiques de réduction des émissions, in Économie Internationale, la Revue du CEPII, no82, 2è trimestre 2000.
- [12] Pearce D.W. (2003) The social cost of carbon and its policy implications. Oxford Review of Economic Policy 19, pp. 362-384.
- [13] Watkiss P. (2005), “The Social Costs of Carbon (SCC) Review – Methodological Approaches for Using SCC Estimates in Policy Assessment”, Department for Environment, Food and Rural Affairs, December 2005.
- [14] Centre d’Analyse Stratégique (2008): La valeur tutélaire du carbone, Rapports et documents, Juin 2008.
- [15] Criqui P., Kouvaritakis N., (2000) : World Energy Projections to 2030, in International Journal of Global Energy Issues, Vol. 14, n° 1-2-3-4, pp. 116-136.

EM7141 Những công cụ thành công trong quản trị sản xuất và tác nghiệp

Successful Models in Operation Management

1. Tên học phần: Những công cụ thành công trong quản lý sản xuất và tác nghiệp

2. Mã học phần: EM7141

3. Tên tiếng Anh: **Successful Models in Operation Management**

4. Khối lượng: 3(3-0-0-6)

- Lý thuyết: 45 tiết

- Bài tập:

- Thí nghiệm:

5. Đối tượng tham dự: Tất cả NCS thuộc chuyên ngành Quản lý Công nghiệp

6. Mục tiêu của học phần:

Học phần này nhằm mang lại cho NCS một cái nhìn toàn diện về sự phát triển và khả năng áp dụng trong thực tiễn những mô hình quản lý, những công cụ đã được sử dụng thành công trong lĩnh vực Quản trị sản xuất và tác nghiệp

7. Nội dung tóm tắt:

Nội dung của học phần tập trung giới thiệu những công cụ chính được sử dụng thành công trong quản lý sản xuất bao gồm: Chuyên môn hóa cao trong các dây chuyền sản xuất; Bài toán quy hoạch tuyến tính, Bài toán hoạch định chương trình sản xuất; Phương pháp sơ đồ mạng PERT; Kế hoạch hóa nguồn lực trong sản xuất MRP2; Mô hình sản xuất đúng thời gian (Just In Time); Mô hình sản xuất tinh gọn (Lean); ERP; 5S; 6sigma...

8. Nhiệm vụ của NCS:

- Dự lớp: Dự lớp đầy đủ

- Bài tập: Tìm hiểu khả năng áp dụng các mô hình trên các tạp chí chuyên ngành

9. Đánh giá kết quả: (Cách cho điểm giống như quy định đối với Cao học)

- Mức độ dự giờ giảng: 10%

- Kiểm tra định kỳ: 20%

- Thi kết thúc học phần và bài tập: 70%

10. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN MỞ ĐẦU

Giới thiệu môn học

Giới thiệu đề cương môn học

Giới thiệu tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA QUẢN TRỊ SẢN XUẤT

1.1 Khái niệm về quản trị sản xuất

- 1.2 Mục tiêu của quản trị sản xuất
- 1.3 Các giai đoạn phát triển quản trị sản xuất
- 1.4 Khái quát những công cụ thành công trong quản trị sản xuất

CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH 1: SẢN XUẤT DÂY CHUYỀN

- 2.1 Khái niệm về dây chuyền sản xuất
- 2.2 Phân loại dây chuyền sản xuất
- 2.3 Thiết kế tổ chức dây chuyền

CHƯƠNG 3: MÔ HÌNH 2: MRP2- KẾ HOẠCH HÓA NGUỒN LỰC SẢN XUẤT

- 3.1 Sự phát triển mô hình MRP
- 3.2 Nội dung mô hình MRP2
- 3.2 Những thành công và hạn chế của mô hình MRP2
- 3.3 Từ mô hình MRP2 đến ERP

CHƯƠNG 4: MÔ HÌNH 3: BÀI TOÁN HOẠCH ĐỊNH TỔNG HỢP CHƯƠNG TRÌNH SẢN XUẤT

- 4.1 Bài toán quy hoạch tuyến tính
- 4.2 Bài toán hoạch định tổng hợp chương trình sản xuất

CHƯƠNG 5: MÔ HÌNH 4: PHƯƠNG PHÁP PERT TRONG QUẢN LÝ DỰ ÁN SX

- 5.1 Nội dung phương pháp sơ đồ mạng
- 5.2 Áp dụng phương pháp PERT để quản lý các dự án sản xuất
- 5.3 Giới thiệu phần mềm Microsof- Project

CHƯƠNG 6: MÔ HÌNH 5: MÔ HÌNH SẢN XUẤT TINH GỌN

- 6.1 Khái niệm về mô hình sản xuất tinh gọn
- 6.2 Các nguyên tắc sản xuất tinh gọn
- 6.3 Các công cụ khắc phục lãng phí trong sản xuất
 - 6.3.1 Cân bằng năng suất
 - 6.3.2 Sản xuất không tồn kho
 - 6.3.3 Giảm chi phí cài đặt SMED
 - 6.3.4 Phương pháp 5S
 - 6.3.5 Phương pháp Kaizen

11. Tài liệu học tập:

Nguyễn Văn Nghiễn; Quản trị sản xuất và tác nghiệp; Nhà xuất bản Giáo dục, 2009.

12. Tài liệu tham khảo:

- [1] *William J. Stevenson*; Production/Operation Management; New York; Mc Graw-Hill; 2000.
- [2] *Dennis P. Hobbs* ; LEAN Manufacturing Implementation: A Complete Execution Manual for Any Size Manufacturer; J. Ross Publishing; 2004
- [3] *Terrence T. Burton and Steven M. Boeder*; The Lean Extended Enterprise: Moving Beyond the Four Walls to Value Stream Excellence; J. Ross Publishing; 2003
- [4] *G rad Vincent*; Gestion de Production; Paris; 1996.
- [5] *M. Imai*; Kaizen- La cl  de la comp titivit  japonaise; Paris; Edition Eyrolle; 1989

EM7151 Lý thuyết về quản trị nguồn nhân lực

Theories of Human Resources Management

- 1. Tên học phần:** Các lý thuyết về quản trị nguồn nhân lực
- 2. Mã học phần:** EM7151
- 3. Tên tiếng Anh:** Theories of Human Resources Management
- 4. Khối lượng:** 3(3-0-0-6)
 - Lý thuyết: 45 tiết
 - Bài tập:
 - Thực hành trên máy:
- 5. Đối tượng tham dự:** Tất cả NCS thuộc chuyên ngành Kinh Tế Công Nghiệp và các ngành có liên quan
- 6. Mục tiêu của học phần:** Kết thúc học phần này NCS sẽ có khả năng:
 - Hiểu được các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu quản trị nguồn nhân lực hiện nay
 - Nắm bắt được những vấn đề hiện nay trong quản trị nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp Việt Nam và tại các tập đoàn trên thế giới
 - Biết cách đặt vấn đề và xây dựng các hướng nghiên cứu chuyên sâu về quản trị nguồn nhân lực
 - Biết trình phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực đặc biệt tại các doanh nghiệp và các tổ chức Việt Nam hiện nay.
- 7. Nội dung tóm tắt:**

Học phần nhằm cung cấp cho nghiên cứu sinh các nghiên cứu hiện nay trên thế giới về vấn đề quản lý con người trong các tổ chức, doanh nghiệp. Học phần sẽ đề cập tới các lý thuyết liên quan đến hoạt động của tổ chức, tâm lý nhân viên, hành vi của các thành viên trong tổ chức, tính kinh tế trong việc sử dụng lao động, mối quan hệ giữa con người trong tổ chức. Các nội dung nghiên cứu sẽ phân tích các vấn đề dưới góc độ cá nhân một con người và dưới góc độ tổ chức là một tổng thể của nhiều cá nhân.
- 8. Nhiệm vụ của NCS:**
 - Dự lớp: 100%
 - Bài tập: Bài tập cá nhân và bài tập nhóm
 - Thí nghiệm: không
- 9. Đánh giá kết quả:**
 - Đánh giá quá trình: 30%
 - Tham gia dự giờ trên lớp học
 - Hoàn thành bài tập cá nhân và bài tập nhóm
 - Thi kết thúc học phần: 70%

10. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN MỞ ĐẦU

- Giới thiệu môn học
- Giới thiệu đề cương môn học
- Giới thiệu tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1: Tổng quan về nguồn nhân lực và tổ chức

- 1.1 Các khái niệm cơ bản
- 1.2 Môi trường kinh doanh và quản trị nguồn nhân lực
- 1.3 Vai trò chiến lược của quản trị nguồn nhân lực
- 1.4 Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa
- 1.5 Đạo đức và trách nhiệm xã hội với vai trò của quản trị nguồn nhân lực
- 1.6 Sự phân hóa của lực lượng lao động

CHƯƠNG 2: Lý thuyết Tuyển dụng

- 2.1 Đặc điểm cá nhân và yêu cầu tuyển dụng
- 2.2 Phân tích công việc và thiết kế công việc
- 2.3 Thu hút nhân tài và động lực làm việc
- 2.4 Xu thế và phương thức tuyển dụng của các tập đoàn hàng đầu thế giới

CHƯƠNG 3: Phát triển nguồn nhân lực

- 3.1 Các mô hình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực
- 3.2 Chiến lược phát triển nhân tài và con đường nghề nghiệp
- 3.3 So sánh các mô hình phát triển nhân tài tại các tập đoàn hàng đầu thế giới
- 3.4 Quản lý và đánh giá năng lực nhân viên và kế hoạch phát triển

CHƯƠNG 4: Đãi ngộ và giữ chân nhân viên

- 4.1 Các chính sách đãi ngộ nhân viên để giữ chân người tài
- 4.2 Chế độ phúc lợi với việc giữ chân người tài
- 4.3 Văn hóa doanh nghiệp và giữ chân người tài
- 4.4 Mô hình thay thế nhân viên đảm bảo sự phát triển liên tục

CHƯƠNG 5: Môi trường làm việc an toàn

- 5.1 An toàn và vệ sinh lao động
- 5.2 Công đoàn và vai trò bảo vệ người lao động
- 5.3 Các mô hình hiện đại về quan hệ lao động và xung đột lao động

11. Tài liệu học tập: (danh mục các giáo trình, nếu không có thì bỏ trống)

12. Tài liệu tham khảo:

- [1] Monney, R.W, 2010. *Human Resource Management*. Pearson International Edition, 11th edition.
- [2] Noe, R. et al, 2009. *Human Resource Management*. McGraw-Hill/Irwin International Edition, 7th edition.
- [3] Bohlander, G. and S. Snell (2004): *Managing Human Resources, 13th ed.*, Singapore, Thomson/South-Western.
- [4] De Cenzo, D.A. and S.R. Robbins (2005): *Fundamentals of Human Resource Management*, 8th ed., New York, etc., Wiley & Sons Inc.
- [5] Nguyễn Hữu Thân (2008): *Quản trị Nhân sự*, Nhà xuất bản Thống kê
- [6] Trần Kim Dung (2009): *Quản trị Nguồn Nhân lực*, Nhà xuất bản Thống kê.

EM7161 Quản trị dịch vụ

Services Management

1. Tên học phần: Quản trị dịch vụ

2. Mã học phần: EM7161

3. Tên tiếng Anh: Services Management

4. Khối lượng: 3(3-0-0-6)

- Lý thuyết: 45 tiết

- Bài tập: Bài tập lớn (BTL)

- Thảo luận tình huống: Trên lớp

5. Đối tượng tham dự: Tất cả NCS thuộc chuyên ngành Kinh tế và Quản lý

6. Mục tiêu của học phần: Học phần này nhằm mang lại cho NCS:

- Các kiến thức về lý luận, đặc điểm và vai trò quản trị các dịch vụ và dịch vụ công nghiệp trong xu hướng hội nhập quốc tế và kinh tế toàn cầu hóa;
- Các kỹ năng hoạch định, tổ chức, điều hành, kiểm tra và giám sát các hoạt động, dịch vụ trong môi trường kinh doanh hiện đại;
- Các kiến thức về chất lượng dịch vụ, năng suất và hiệu quả kinh tế của các dịch vụ trong kinh doanh;
- Rèn luyện khả năng tư duy về quản trị các dịch vụ trong kinh doanh ở Việt Nam.

7. Nội dung tóm tắt:

Học phần này cung cấp cho NCS chuyên ngành Kinh tế Công nghiệp và Quản trị kinh doanh (hoặc ngành liên quan) những kiến thức có tính hệ thống về Quản trị dịch vụ, bao gồm các kiến thức cơ bản về các ngành dịch vụ và dịch vụ công nghiệp, về quy trình hoạch định, tổ chức, kiểm tra và giám sát hoạt động dịch vụ, về sản phẩm dịch vụ, vai trò của dịch vụ công nghiệp trong kinh doanh hiện đại, về các yếu tố nâng cao năng suất, định vị và khác biệt hóa trong dịch vụ, về các mô hình chất lượng dịch vụ (SERVQUAL) trong môi trường kinh doanh ngày càng tăng tính cạnh tranh và tính toàn cầu hóa.

8. Nhiệm vụ của NCS:

- *Dự lớp:* Nghe giảng đầy đủ, tham gia tích cực việc thảo luận và đóng góp ý kiến giải quyết các tình huống, thảo luận nhóm,...theo Quy chế học tập của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội;

- *Bài tập:* Chọn đề tài, được Giáo viên chấp thuận, thu thập thông tin tư liệu,...hoàn thành các bài tập về nhà và BTL của học phần theo quy định của Giáo viên giảng dạy và của Trường ĐHBK Hà Nội.

- *Thi giữa kỳ và Bảo vệ BTL* để tính **Điểm kết thúc học phần**.

9. Đánh giá kết quả:

- *Mức độ dự giờ giảng:* Điểm chuyên cần và quá trình học tập, trọng số **0,40**

- Bài tập giao về nhà làm đầy đủ và đạt từ trung bình trở lên;
- Nộp BTL đúng hạn (và là *điều kiện có Điểm kết thúc học phần*)
- *Thi kết thúc học phần*: Bảo vệ BTL (có slides & Tiểu luận), trọng số **0,60**

10. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN MỞ ĐẦU

Giới thiệu môn học

Giới thiệu Đề cương môn học, Phương pháp học và Đánh giá kết quả học tập

Giới thiệu các chủ đề BTL và tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1: Tổng quan về Quản trị dịch vụ

- 1.1 Vị trí và tầm quan trọng của Quản trị dịch vụ trong môi trường kinh doanh cạnh tranh theo xu hướng hội nhập và kinh tế toàn cầu hóa
- 1.2 Định vị dịch vụ, Năng suất và Chất lượng (SERVQUAL) trong Quản trị dịch vụ
- 1.3 Vai trò và đặc điểm của dịch vụ hỗ trợ công nghiệp trong kinh doanh hiện đại
- 1.4 Viễn cảnh phát triển của dịch vụ và dịch vụ hỗ trợ công nghiệp ở Việt Nam

CHƯƠNG 2: Quá trình phát triển của Quản trị dịch vụ

- 2.1 Quá trình hình thành và phát triển của Quản trị dịch vụ
- 2.2 Nghiên cứu tâm lý, hành vi tiêu dùng và nhu cầu xã hội là cơ sở phát triển dịch vụ, dịch vụ công nghiệp và Quản trị dịch vụ
- 2.3 Mối quan hệ giữa Quản trị dịch vụ và năng lực cạnh tranh trong kinh doanh hiện đại
- 2.4 Các yếu tố thúc đẩy xu hướng phát triển dịch vụ và dịch vụ công nghiệp.

CHƯƠNG 3: Chức năng Quản trị dịch vụ

- 3.1 Hoạch định hoạt động dịch vụ trong kinh doanh của Doanh nghiệp
- 3.2 Tổ chức, điều hành và phân bổ nguồn lực cho phát triển dịch vụ
- 3.3 Phát triển sản phẩm dịch vụ và tập trung thỏa mãn nhu cầu của khách hàng
- 3.4 Kiểm tra, giám sát và điều chỉnh kịp thời đáp ứng chất lượng kỳ vọng của khách hàng
- 3.5 Phát triển dịch vụ mới, dịch vụ bổ sung, sáng tạo sự khác biệt và xây dựng thương hiệu.

CHƯƠNG 4: Chiến lược Quản trị dịch vụ

- 4.1 Tư duy và nhu cầu hoạch định chiến lược Quản trị dịch vụ trong kinh doanh hiện đại

- 4.2 Các mô hình hoạch định chiến lược Quản trị dịch vụ
- 4.3 Phân tích môi trường bên ngoài (O,T) & Đánh giá môi trường nội bộ (S, W)
- 4.4 Xây dựng các phương án chiến lược (cao, trung bình, thấp) – Đề xuất tiêu chí và chọn một phương án hài hòa về chiến lược Quản trị dịch vụ cho Doanh nghiệp
- 4.5 Đề xuất hệ thống giải pháp và kiến nghị triển khai thực hiện
- 4.6 Quản lý và Điều chỉnh kịp thời quá trình triển khai chiến lược
- 4.7 Cơ hội và thách thức về xây dựng chiến lược Quản trị dịch vụ ở Việt Nam.

11. Tài liệu học tập:

Nguyễn Thị Mai Anh (2015) *Quản trị dịch vụ*. Slides bài giảng Chuyên đề.

12. Tài liệu tham khảo:

- [1] Phan Văn Sâm & Trần đình Hải (2007) *Doanh nghiệp dịch vụ – Nguyên lý điều hành*. NXB Lao động-Xã hội
- [2] TS.Hà Văn Hội (2007) *Quản trị doanh nghiệp dịch vụ trong nền kinh tế thị trường*. NXB Bưu điện
- [3] PGS.Lê Thế Giới & nnk (2007) *Quản trị chiến lược*. NXB Thống kê
- [4] David A. Aaker (2003-dịch) *Triển khai chiến lược kinh doanh*. NXB Trẻ
- [5] Hương Huy (2007-Biên dịch) *Phương pháp hoạch định chiến lược*. NXB GTVT
- [6] Subir Chowdhury (2006-dịch) *Quản lý trong thế kỷ 21*. NXB GTVT
- [7] Cẩm nang kinh doanh Harvard (2006-dịch) *Chiến lược kinh doanh hiệu quả - Strategy*. NXB Tổng hợp TP. HCM
- [8] Cẩm nang kinh doanh Harvard (2007-dịch) *Các kỹ năng quản lý hiệu quả - Manager's Toolkit*. NXB NXB Tổng hợp TP. HCM
- [9] TS. Phan Thăng (2009) *Quản trị chất lượng*. NXB Thống kê
- [10] TS. Trần Xuân Kiên (2006) *Quản lý doanh nghiệp trong thế kỷ 21*. NXB Thanh Niên
- [11] Jim Collins (2007-dịch) *Từ tốt đến vĩ đại – Good to Great*. NXB Trẻ

EM7171 Lý thuyết đương đại trong tài chính

Modern theories in Finance

1. Tên học phần: Lý thuyết đương đại trong tài chính

2. Mã học phần: EM7171

3. Tên tiếng Anh: Modern theories in finance

4. Khối lượng: 3(3-0-0-6)

- Lý thuyết: 45 tiết

- Bài tập:

- Thí nghiệm:

5. Đối tượng tham dự: Tất cả NCS thuộc chuyên ngành kinh tế công nghiệp và các chuyên ngành có liên quan

6. Mục tiêu của học phần: Học phần này nhằm mang lại cho NCS:

- Các kiến thức nâng cao về lý luận chuyên ngành đương đại về tài chính nói chung và quản lý tài chính nói riêng.
- Rèn luyện khả năng tư duy khoa học về quản lý tài chính
- Rèn luyện kỹ năng thực hành tài chính trên cơ sở các mô hình quản lý tài chính hiện đại với sự trợ giúp của máy tính

7. Nội dung tóm tắt:

Trang bị cho NCS những cơ sở nâng cao của quản lý tài chính làm tiền đề cho việc nghiên cứu các chủ đề có liên quan đến nội dung nghiên cứu của NCS. Sau khi học xong, người học sẽ được trang bị cập nhật các kiến thức và kỹ năng hiện đại để đưa ra các quyết định của quản lý tài chính bao gồm:

- Lựa chọn cơ hội kinh doanh trong bối cảnh nguồn lực hữu hạn;
- Tổ chức huy động vốn để thực hiện các cơ hội đó;
- Quản lý chi phí, hạch toán chi phí, và xác định lợi nhuận; phân phối lợi nhuận và tái đầu tư;
- Phân tích tài chính và hoạch định tài chính.

8. Nhiệm vụ của NCS:

- Dự lớp: đầy đủ 100%
- Bài tập: làm các bài tập được giao cá nhân và theo nhóm
- Thí nghiệm:

9. Đánh giá kết quả: (cách cho điểm giống như quy định đối với Cao học)

- Mức độ dự giờ giảng: 10%
- Kiểm tra định kỳ: 20%
- Thi kết thúc học phần: 70%

10. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN MỞ ĐẦU

Giới thiệu môn học
Giới thiệu đề cương môn học
Giới thiệu tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1: Giá trị và mô hình tổng quát xác định giá trị của các tài sản tài chính

- 1.1 Khái niệm giá trị
- 1.2 Giá trị hiện tại với tư cách là mô hình xác định giá trị
- 1.3 Xác định giá trị của các tài sản tài chính

CHƯƠNG 2: Lợi nhuận, rủi ro và chi phí huy động vốn

- 2.1 Khái niệm cơ sở
- 2.2 Lý thuyết danh mục đầu tư
- 2.3 Mối quan hệ giữa lợi nhuận và rủi ro
- 2.4 Mô hình định giá tài sản tư bản ACPM
- 2.5 Một số lý thuyết khác

CHƯƠNG 3: Các mô hình phản ánh rủi ro của đầu tư

- 3.1 Các mô hình đánh giá đầu tư (NPV và IRR)
- 3.2 Các vấn đề về định giá doanh nghiệp
- 3.2 Mô hình phân tích độ nhạy
- 3.3 Mô phỏng Monte Carlo
- 3.4 Mô hình cây quyết định

CHƯƠNG 4: Cơ cấu vốn và chính sách tài trợ

- 4.1 Khái niệm cơ cấu vốn
- 4.2 Các đòn bẩy trong quản lý tài chính
- 4.3 Ảnh hưởng của chính sách tài trợ đến lợi nhuận và rủi ro
- 4.5 Thuế tài chính

CHƯƠNG 5: Chính sách cổ tức

- 5.1 Các phương pháp chi trả cổ tức
- 5.2 Mô hình Lintner
- 5.3 Một số vấn đề khác về chính sách cổ tức

CHƯƠNG 6: Phân tích tài chính

- 6.1 Các báo cáo tài chính
- 6.2 Các chỉ tiêu tài chính: ứng dụng và hạn chế
- 6.3 Phân tích tài chính

CHƯƠNG 7: Hoạch định tài chính

- 7.1 Khái niệm và sự cần thiết của hoạch định tài chính
- 7.2 Nội dung của một bản kế hoạch tài chính

- 7.3 Các mô hình hoạch định tài chính
- 7.4 Hoạch định tài chính trong ngắn hạn

11. Tài liệu học tập:

- [1] Nghiêm Sĩ Thương (2010), *Cơ sở Quản lý Tài chính doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

12. Tài liệu tham khảo:

- [1] Richard A. Brealey, Stewart C. Myers, Alan J. Marcus. (2002), *Fundamentals of corporate finance*, McGraw-Hill, International edition, Fifth edition.
- [2] John J. Pringle, Robert S. Harris, *Essentials of managerial finance*, Scott, Foresman and Company, Second edition.
- [3] K. R. Subramanyam, John J. Wild. (2009), *Financial statement analysis*, McGraw-Hill, International edition, Tenth edition.